

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN ĐỊA LÍ 7 NĂM 2021-2022

1. Đề cương ôn thi giữa HK1 Địa lí 7

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 7 NĂM HỌC 2021 - 2022

A. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu: 1 Căn cứ vào hình dáng của tháp tuổi ta không thể biết:

- A. Các độ tuổi của dân số.
- B. Số lượng nam và nữ.
- C. Số người sinh, tử của một năm.
- D. Số người dưới tuổi lao động.

Câu: 2 Sự bùng nổ dân số diễn ra vào năm:

- A. 1500. B. 1804.
- C. 1927. D. 1950.

Câu: 3 Năm 2001 dân số thế giới khoảng:

- A. 4 tỉ người.
- B. 5 tỉ người.
- C. 6,16 tỉ người
- D. 6,5 tỉ người.

Câu: 4 Trường hợp nào dưới đây sẽ dẫn đến sự tăng nhanh dân số:

- A. Tỷ lệ sinh cao, tỷ lệ tử cao.
- B. Tỷ lệ sinh giảm, tỷ lệ tử giảm.
- C. Tỷ lệ sinh cao, tỷ lệ tử giảm.

D. Tỷ lệ tử cao, tỷ lệ sinh giảm.

Câu: 5 Sự bùng nổ dân số đang diễn ra ở các châu lục nào dưới đây:

A. Châu Đại Dương.

B. Bắc Mỹ.

C. Châu Âu.

D. Nam Mỹ.

Câu: 6 Châu lục nào có tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số thấp nhất:

A. Châu Á.

B. Châu Âu.

C. Châu Phi.

D. Châu Đại Dương.

Câu: 7 Theo em đến năm 2050 dân số thế giới sẽ là bao nhiêu:

A. 7,9 tỉ người.

B. 8,9 tỉ người.

C. 10 tỉ người.

D. 12 tỉ người.

Câu: 8 Châu lục nào có số dân ít nhất (so với toàn thế giới)?

A. Châu Á.

B. Châu Âu.

C. Châu Phi.

D. Châu Đại Dương.

Câu: 9 Gia tăng dân số tự nhiên phụ thuộc vào:

A. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm.

B. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người từ nơi khác đến trong một năm.

- C. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chuyển đi trong một năm.
- D. Sự tương quan giữa số người chuyển đi và số người từ nơi khác đến trong một năm.

Câu: 10 Gia tăng cơ giới là sự gia tăng dân số do:

- A. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chết đi.
- B. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người từ nơi khác đến.
- C. Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chuyển đi.
- D. Sự tương quan giữa số người chuyển đi và số người từ nơi khác đến.

Câu: 11 Tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước được thể hiện qua:

- A. mật độ dân số.
- B. tổng số dân.
- C. gia tăng dân số tự nhiên.
- D. tháp dân số.

Câu: 12 Những khu vực tập trung đông dân cư là:

- A. Đông Á, Đông Nam Á, Bắc Phi.
- B. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.
- C. Nam Á, Bắc Á, Bắc Mỹ.
- D. Nam Á, Đông Á, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Câu: 13 Hai khu vực có mật độ dân số cao nhất là:

- A. Đông Bắc Hoa Kỳ, Nam Á.
- B. Nam Á, Đông Á.
- C. Đông Nam Á, Đông Á.
- D. Tây Âu và Trung Âu, Tây Phi.

Câu: 14 Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Đông Nam Bra-xin.

B. Tây Âu và Trung Âu.

C. Đông Nam Á.

D. Bắc Á.

Câu: 15 Đặc điểm bên ngoài dễ phân biệt nhất giữa các chủng tộc chính trên thế giới là:

A. bàn tay.

B. màu da.

C. môi.

D. lông mày.

Câu: 16 Đặc điểm ngoại hình của chủng tộc Môn-gô-lô-it là:

A. Da vàng, tóc đen.

B. Da vàng, tóc vàng.

C. Da đen, tóc đen.

D. Da trắng, tóc xoăn.

Câu: 17 Dân cư phân bố thưa thớt ở những khu vực nào sau đây?

A. đồng bằng.

B. các trục giao thông lớn.

C. ven biển, các con sông lớn.

D. hoang mạc, miền núi, hải đảo.

Câu: 18 Dân cư thế giới thường tập trung đông đúc ở khu vực địa hình đồng bằng vì:

A. tập trung nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có.

B. thuận lợi cho cư trú, giao lưu phát triển kinh tế.

C. khí hậu mát mẻ, ổn định.

D. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Câu: 19 Châu lục tập trung dân cư đông đúc nhất thế giới là:

- A. châu Âu.
- B. châu Á.
- C. châu Mỹ.
- D. châu Phi.

Câu: 20 Nhân tố nào sau đây tác động đến sự mở rộng phạm vi phân bố dân cư trên Trái Đất?

- A. tài nguyên thiên nhiên.
- B. tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- C. sự gia tăng dân số.
- D. chính sách phân bố dân cư.

Câu: 21 Sự phát triển nhanh chóng các siêu đô thị ở nhóm nước đang phát triển gắn liền với:

- A. gia tăng dân số nhanh và tình trạng di cư ồ ạt từ nông thôn đến đô thị.
- B. sự phát triển mạnh mẽ nền sản xuất công nghiệp hiện đại.
- C. chính sách phân bố dân cư của nhà nước.
- D. sự phân bố các nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có.

Câu: 22 Quần cư thành thị phổ biến hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp và dịch vụ.
- B. Nông – lâm – ngư – nghiệp.
- C. Công nghiệp và nông – lâm – ngư - nghiệp.
- D. Dịch vụ và nông – lâm – ngư nghiệp.

Câu: 23 Các đô thị bắt đầu xuất hiện rộng khắp thế giới vào thời kì nào?

- A. Thời Cổ đại.
- B. Thế kỉ XIX.
- C. Thế kỉ XX.
- D. Thế kỉ XV.

Câu: 24 Châu lục tập trung nhiều siêu đô thị nhất là:

- A. châu Âu.
- B. châu Á.
- C. châu Mỹ.
- D. châu Phi.

Câu: 25 Đâu không phải là siêu đô thị thuộc châu Á?

- A. Cai-rô.
- B. Thiên Tân.
- C. Mum-bai.
- D. Tô-ki-ô.

Câu: 26 Hai siêu đô thị đầu tiên trên thế giới là:

- A. Niu-I-oóc và Bắc Kinh.
- B. Niu-I-oóc và Luân Đôn.
- C. Luân Đôn và Thượng Hải.
- D. Pa-ri và Tô-ki-ô.

Câu: 27 Số lượng các siêu đô thị tăng nhanh nhất ở nhóm các nước nào sau đây?

- A. các nước phát triển.
- B. các nước kém phát triển.
- C. các nước đang phát triển.
- D. các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Câu: 28 Đâu không phải là đặc điểm của quần cư thành thị?

- A. Phổ biến lối sống thành thị.
- B. Mật độ dân số cao.
- C. Hoạt động kinh tế chủ yếu là dịch vụ du lịch.

D. Nhà cửa tập trung với mật độ cao.

Câu: 29 Ý nào dưới đây thể hiện đúng đặc điểm của quá trình đô thị hóa trên thế giới?

- A. Tỷ lệ người sống ở nông thôn ngày càng tăng.
- B. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn.
- C. Phổ biến các hoạt động sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp.
- D. Các đô thị đầu tiên mới xuất hiện vào thế kỉ XIX.

Câu: 30 Điều không phải là hậu quả của đô thị hóa tự phát?

- A. Ô nhiễm môi trường.
- B. Ách tắc giao thông đô thị.
- C. Gia tăng tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị.
- D. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu: 31 Vị trí phân bố của đới nóng trên Trái Đất là:

- A. Nằm giữa chí tuyến Bắc và Nam.
- B. Từ chí tuyến Bắc về vĩ tuyến 40° Bắc.
- C. Từ vĩ tuyến 40°N - B đến 2 vòng cực Nam - Bắc.
- D. Từ xích đạo đến vĩ tuyến 20° Bắc - Nam.

Câu: 32 Loại gió thổi quanh năm ở đới nóng là:

- A. Gió Tây ôn đới.
- B. Gió Tín phong.
- C. Gió mùa.
- D. Gió Đông cực.

Câu: 33 Kiểu môi trường nào sau đây không thuộc đới nóng?

- A. Môi trường xích đạo ẩm.
- B. Môi trường nhiệt đới gió mùa.

C. Môi trường nhiệt đới.

D. Môi trường địa trung hải.

Câu: 34 Từ 5⁰B đến 5⁰N là phạm vi phân bố của:

A. môi trường nhiệt đới.

B. môi trường xích đạo ẩm.

C. môi trường nhiệt đới gió mùa.

D. môi trường hoang mạc.

Câu: 35 Đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm là:

A. lạnh, khô.

B. nóng, ẩm.

C. khô, nóng.

D. lạnh, ẩm.

Câu: 36 Cảnh quan tiêu biểu của môi trường xích đạo ẩm là:

A. xa van, cây bụi lá cứng.

B. rừng lá kim.

C. rừng rậm xanh quanh năm.

D. rừng lá rộng.

Câu: 37 Loại rừng nào thường phân bố ở vùng cửa sông, ven biển?

A. Rừng rậm nhiệt đới

B. Rừng rậm xanh quanh năm

C. Rừng thưa và xa van

D. Rừng ngập mặn

Câu: 38 Đâu không đúng với đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm?

A. Khí hậu nóng và ẩm quanh năm.

- B. Biên độ nhiệt độ giữa tháng thấp nhất và cao nhất rất nhỏ (3°C).
- C. Lượng mưa trung bình năm lớn, mưa tăng dần từ xích đạo về hai cực.
- D. Độ ẩm không khí rất cao, trung bình trên 80%.

Câu: 39 Tại sao rừng rậm xanh quanh năm có nhiều tầng cây?

- A. Do nhiều loài cây sinh trưởng mạnh, chiếm hết diện tích của các loài còn lại.
- B. Do trong rừng không đủ nhiệt độ và độ ẩm cho cây cối sinh trưởng.
- C. Do mỗi loài cây thích hợp với điều kiện ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm khác nhau.
- D. Do đất trong rừng nghèo dinh dưỡng, thường xuyên bị rửa trôi.

Câu: 40 Đới nóng có giới sinh vật hết sức phong phú và đa dạng, nguyên nhân chủ yếu do:

- A. khí hậu phân hóa đa dạng với nhiều kiểu khác nhau, dẫn đến sự phong phú về sinh vật.
- B. là nơi gặp gỡ của các luồng sinh vật di cư và di lưu đến từ nhiều vùng miền.
- C. do con người mang nhiều loài sinh vật từ nơi khác đến và nhân giống, lai tạo mới.
- D. khí hậu nóng quanh năm, lượng mưa dồi dào và độ ẩm lớn.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	D	C	C	D	B	B	D	A	D
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	D	B	D	B	A	D	B	B	B
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	A	C	B	A	B	C	C	B	D

31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A	B	D	B	C	C	D	C	C	D

B. Câu hỏi tự luận

Bài 1: Quan sát tháp tuổi ở hình 1.1 cho biết:

+ Trong số trẻ em từ khi mới sinh ra cho đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu bé trai bao nhiêu bé gái?

+ Hình dạng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào? Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao?

Trả lời:

- Tháp tuổi thứ nhất có khoảng 5,5 triệu bé gái và 5,5 triệu bé trai.

- Tháp tuổi thứ 2 có khoảng 5,5 triệu bé gái và 4,5 triệu bé trai.

- Hình dạng 2 tháp tuổi:

+ Tháp tuổi thứ nhất có đáy tháp rộng, thân tháp thu hẹp dần, đỉnh nhọn.

+ Tháp tuổi thứ 2 có đáy tháp thu hẹp, thân tháp mở rộng.

- Tháp tuổi có thân tháp mở rộng thể hiện số người trong độ tuổi lao động cao, nhưng đáy tháp hẹp thể hiện tỉ lệ sinh đã giảm, tương lai nguồn lao động cũng bị giảm.

Bài 2: Dựa vào bảng tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và phân bố dân cư thế giới theo châu lục dưới đây, hãy cho biết châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất châu lục nào có châu lục nào tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất. Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số toàn thế giới lại tăng?

Châu lục và khu vực	Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)		Dân số so với toàn thế giới (%)	
	1950-1955	1990-1995	1950	1995

Toàn thế giới	1,78	1,48	100,0	100,0
Châu Á	1,91	1,53	55,6	60,5
Châu Phi	2,23	2,68	8,9	12,8
Châu Âu	1,00	0,16	21,6	12,6
Bắc Mỹ	1,70	1,01	6,8	5,2
Nam Mỹ	2,65	1,70	6,6	8,4
Châu Đại Dương	2,21	1,37	0,5	0,5

Trả lời:

- Châu lục có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất là Châu Phi.
- Châu lục có tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất là châu Âu
- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số so với toàn thế giới tăng, vì: dân số châu Á quá nhiều (chiếm 55,6% dân số thế giới) cho nên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á mặc dù có giảm nhưng số dân tăng lên vẫn còn rất nhiều nên tỉ trọng dân số so với toàn thế giới vẫn tăng cao.

Bài 3: Bùng nổ dân số thế giới xảy ra khi nào? Nêu nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết.

Trả lời:

- Bùng nổ dân số xảy ra vào những năm 50 của thế kỉ XX. Vào thời kì này, tỉ lệ gia tăng bình quân hàng năm của dân số thế giới lên đến 2,1 %. Bùng nổ dân số xảy ra chủ yếu ở các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.
- Nguyên nhân: do tỉ suất sinh lớn, tỉ suất tử thấp. Trong những năm này, các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ y tế làm cho tỉ lệ tử giảm, trong khi tỉ lệ sinh vẫn cao.

- Hậu quả: gánh nặng cả vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm,...
- Phương hướng giải quyết: Chính sách dân số kết hoạch hóa gia đình, tuyên truyền và giáo dục,...

Bài 4:

- a. Để phân chia các chủng tộc, các nhà khoa học đã căn cứ vào:
- b. Địa bàn phân bố chủ yếu của ba chủng tộc chính.

Lời giải:

- a. Hình thái bên ngoài của cơ thể. Đó là sự khác nhau về: màu da, tóc, mắt, mũi...).
- b.
 - Môn-gô-lô-ít sinh sống: châu Á.
 - Nê-grô-ít sinh sống: châu Phi.
 - Ô-rô-pê-ô-ít sinh sống: châu Âu.

Bài 5: Điền vào ô trống ở bảng dưới đây những điểm khác biệt cơ bản giữa hai hình thức quần cư đô thị và quần cư nông thôn:

Lời giải:

Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Hoạt động sản xuất	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp, dịch vụ
Mật độ dân số	thấp	cao
Cách thức tổ chức cư trú	Làng mạc, thôn xóm phân tán, gắn với đất canh tác, đồng cỏ, rừng và mặt nước.	Nhà cửa tập trung với mật độ cao.

Bài 6: Dựa vào bảng thống kê trang 12 SGK, hãy:

- Nhận xét sự thay đổi số dân, thay đổi ngôi thứ, thay đổi theo châu lục của 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới từ năm 1950 đến năm 2000 và ghi vào bảng dưới đây:

Lời giải:

Sự thay đổi về	1950	1975	2000
Số dân đông nhất (triệu người)	12	20	27
Ngôi thứ (Vị trí trong bảng xếp hạng)	1. Niu óoc (Bắc Mĩ) 2. Luân Đôn (châu Âu).	1. Niu óoc (Bắc Mĩ) 2. Tô-ki-ô (châu Á) 3. Thượng Hải (châu Á).	1. Tô-ki-ô (châu Á) 2. Niu óoc (Bắc Mĩ) 3. Xao Pao-lô (Nam Mĩ).
Số lượng siêu đô thị của mỗi châu lục	Bắc Mĩ: 1 Châu Âu: 1	Bắc Mĩ: 3 Châu Âu: 2 Nam Mĩ: 2 Châu Á: 3	Bắc Mĩ: 3 Châu Âu: 0 Nam Mĩ: 1 Châu Á: 6

Bài 7: Đọc kỹ yêu cầu đề và nội dung các chú giải trên bản đồ phân bố dân cư châu Á (H-4.4) hãy nêu:

Lời giải:

- Các khu vực đông dân: Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á.
- Các đô thị lớn có dân số trên 8 triệu của châu Á thường nằm ở vùng đồng bằng lớn hoặc các khu vực có vị trí địa lý và khí hậu thuận lợi.
- Dân cư châu Á tập trung đông tại các khu vực này là do: điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi.

Bài 8: So sánh hai tháp tuổi của Thành phố Hồ Chí Minh (H.4.2 và H.4.3). Ghi nhận xét về sự biến đổi hình dạng và đặc điểm dân số sau 10 năm vào bảng dưới đây.

Lời giải:

Hình dạng tháp tuổi	Tháp tuổi 1989		Tháp tuổi 1999	
	Đặc điểm hình dạng	Ý nghĩa	Đặc điểm hình dạng	Ý nghĩa
Đáy tháp (nhóm dưới độ tuổi lao động)	Rộng	Nhóm dưới độ tuổi lao động đông	Hẹp	Nhóm dưới độ tuổi lao động giảm dần.
Thân tháp (nhóm trong độ tuổi lao động)	Sườn thoải	Nhóm trong độ tuổi lao động tương đối đông và đang tăng nhanh.	Phình to	Nhóm trong độ tuổi lao động đông.
Sự thay đổi tỉ lệ các nhóm tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Sau 10 năm, đáy tháp thu hẹp lại, thân tháp phình rộng hơn. - Nhóm tuổi trong độ tuổi lao động tăng về tỉ lệ và nhóm dưới tuổi lao động giảm về tỉ lệ. 			

Nhận xét chung: Sau 10 năm, cơ cấu dân số của Thành phố Hồ Chí Minh đã thay đổi:

- Nhóm dưới độ tuổi lao động: tăng về tỉ lệ.
- Nhóm trong độ tuổi lao động: giảm về tỉ lệ.
- Dân số Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển sang kiểu tháp ổn định.

2. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7

2.1. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 1

TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sự bùng nổ dân số **không** diễn ra ở các châu lục nào dưới đây?

A. Châu Đại Dương. B. Bắc Mỹ. C. Châu Âu. D. Nam Mỹ.

Câu 2. Châu lục nào có tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số thấp nhất thế giới?

A. Châu Phi. B. Châu Đại Dương. C. Châu Á. D. Châu Âu.

Câu 3. Dân cư thưa thớt ở khu vực nào sau đây?

A. Đông Nam Á. B. Bắc Phi. C. Nam Á. D. Tây Âu.

Câu 4. Đặc điểm bên ngoài nào sau đây dễ phân biệt nhất giữa các chủng tộc?

A. màu da. B. môi. C. bàn tay. D. lông mày.

Câu 5. Khí hậu nhiệt đới có đặc trưng nào sau đây?

- A. Nhiệt độ cao, thời tiết khô hanh quanh năm, mưa khá nhỏ.
- B. Nhiệt độ trung bình năm không quá 20⁰C, khí hậu mát mẻ.
- C. Nhiệt độ cao quanh năm, trong năm có một thời kì khô hạn.
- D. Nóng ẩm quanh năm, lượng mưa rất lớn và độ ẩm rất cao.

Câu 6. Thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường là hạn chế của khí hậu

- A. ôn đới lục địa. B. ôn đới hải dương.
- C. nhiệt đới gió mùa. D. nhiệt đới xích đạo.

Câu 7. Cây trồng nào sau đây phát triển mạnh trên các cao nguyên?

A. cao su, cà phê. B. chè, cà phê, điều. C. dứa, cây rừng. D. ngô, lúa nước.

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến xói mòn đất ở môi trường xích đạo ẩm là do

- A. sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật. B. mất lớp phủ thực vật, lượng mưa lớn.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi có độ dốc lớn. D. nhiều sông lớn, có dòng chảy mạnh.

Câu 9. Nguyên nhân chính đời sống người dân ở đới nóng chậm cải thiện là do

- A. tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt. B. bùng nổ dân số ở đới nóng.
- C. ô nhiễm môi trường đất và nước. D. nền kinh tế chậm phát triển.

Câu 10. Các khu vực nào sau đây diễn ra khá phổ biến tình trạng di dân tị nạn?

A. Nam Mỹ, Nam Á, Đông Nam Á.

B. Châu Phi, Nam Á và Đông Nam Á.

C. Châu Phi, Nam Á và Tây Nam Á.

D. Nam Mỹ, Nam Á và Trung Á.

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (3 điểm). Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á, NĂM 2020

Quốc gia	Việt Nam	Trung Quốc	In-đô-nê-xi-a
Diện tích (km^2)	331 212	9 597 000	1 919 000
Dân số (triệu người)	97,3	1 439,3	273,5

(Nguồn: Danso.org)

- Mật độ dân số là gì?

- Tính mật độ dân số năm 2020 của quốc gia trên và nhận xét?

Câu 2 (2 điểm). Phân tích những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu tương ứng với 0,5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	B	A	C	C	A	B	B	C

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	- Mật độ dân số là số cư dân trung bình sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/ km^2).	0,5
	- Công thức: Mật độ dân số = Số dân/diện tích (đơn vị: người/ km^2).	0,25
	Áp dụng công thức trên, ta tính được mật độ dân số các quốc gia: + Việt Nam: 294 người/ km^2 .	0,5

1	+ Trung Quốc: 150 người/km ² .	0,5
	+ In-đô-nê-xi-a: 143 người/km ² .	0,5
	- Nhận xét	
	+ Việt Nam có diện tích và dân số ít hơn Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a.	0,5
	+ Việt Nam có mật độ dân số cao nhất, tiếp đến là Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a có mật độ dân số thấp nhất (dẫn chứng).	0,75
2	Những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa	1
	- Gió Tây ôn đới và các khối khí từ đại dương mang theo không khí ẩm và ẩm vào đất liền làm thời tiết luôn luôn biến động, rất khó dự báo trước.	
	- Các đợt khí nóng ở chí tuyến và các đợt khí lạnh ở vùng cực có thể tràn tới bất thường gây ra những đợt nóng hay lạnh.	0,5
	- Các hải lưu nóng cũng có tác động đến sự biến động khí hậu ở đới ôn hòa.	0,5
	Ví dụ: Ở bán đảo Xcăng-đi-na-vi ở trong khu vực ôn đới lạnh, nhưng lại có khí hậu ẩm và ấm do ảnh hưởng của hải lưu nóng.	

2.2. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Châu lục nào có số dân ít nhất so với toàn thế giới?

- A. Châu Phi. B. Châu Đại Dương. C. Châu Á. D. Châu Âu.

Câu 2. Nhân tố nào sau đây tác động đến sự mở rộng phạm vi phân bố dân cư trên Trái Đất?

- A. Tài nguyên thiên nhiên. B. Tiến bộ khoa học kỹ thuật.
C. Sự gia tăng dân số. D. Chính sách phân bố dân cư.

Câu 3. Tình hình phân bố dân cư của một địa phương được thể hiện qua yếu tố nào sau đây?

- A. Tổng số dân. B. Gia tăng dân số tự nhiên. C. Mật độ dân số. D. Tháp dân số.

Câu 4. Khu vực nào sau đây tập trung đông dân cư trên thế giới?

- A. Bắc Phi. B. Nam Á. C. Bắc Á. D. Bắc Âu.

Câu 5. Tài nguyên đất ở môi trường nhiệt đới có những hạn chế nào sau đây?

- A. Đất ngập úng, glây hóa B. Đất bị nhiễm phèn nặng.
C. Nghèo mùn, ít chất dinh dưỡng. D. Dễ bị xói mòn, rửa trôi hoặc thoái hóa.

Câu 6. Chế độ nước sông ngòi của khí hậu nhiệt đới có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nhiều nước quanh năm. B. Ít nước quanh năm.
C. Phân hóa theo mùa. D. Chế độ nước sông thất thường.

Câu 7. Hình thức canh tác nào sau đây có lịch sử lâu đời nhất trong xã hội loài người?

- A. Thâm canh lúa nước. B. Làm nương rẫy.
C. Sản xuất hàng hóa. D. Làm đường đồng mức.

Câu 8. Ở đới nóng có mấy hình thức canh tác cơ bản?

- A. 3 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu bình quân lương thực theo đầu người ở châu Phi rất thấp và ngày càng giảm là chủ yếu do

- A. điều kiện tự nhiên hạn chế. B. dân số đông và tăng nhanh.
C. giống cây trồng có năng suất thấp. D. chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 10. Biện pháp nào sau đây **không** có vai trò trong việc giảm sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng?

- A. Giảm tỉ lệ gia tăng dân số. B. Nâng cao đời sống người dân.
C. Tăng cường khai thác tài nguyên. D. Đẩy mạnh phát triển kinh tế.

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (3 điểm). Trình bày đặc điểm nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa?

Câu 2 (2 điểm). Đô thị hóa tự phát ở đới nóng đã có những tác động tiêu cực nào tới môi trường và đời sống người dân?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	C	B	D	C	B	A	B	C

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	- Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa + Nhiệt độ trung bình năm trên 20 ⁰ C, nhưng thay đổi theo mùa: Một mùa có nhiệt độ cao (trên 29 ⁰ C vào cuối mùa) và một mùa có nhiệt độ thấp hơn.	1
	+ Lượng mưa trung bình năm trên 1.000mm, nhưng thay đổi theo mùa: Một mùa mưa nhiều, chiếm 70 - 95% lượng mưa cả năm và một mùa mưa ít.	1
	- Thời tiết diễn biến thất thường: Mùa mưa có năm đến sớm, có năm đến muộn; lượng mưa có năm ít, năm nhiều dễ gây ra hạn hán, lũ lụt.	1
2	- Đối với đời sống người dân + Thiếu điện, nước và tiện nghi sinh hoạt. + Dịch bệnh dễ phát sinh và lây lan. + Thiếu việc làm và thất nghiệp.	1
	- Đối với môi trường + Rác thải và nước thải sinh hoạt làm ô nhiễm nước, không khí. + Không khí bị ô nhiễm. + Một số khu nhà lụp xụp, thiếu tiện nghi sinh hoạt, làm xấu cảnh quan đô thị.	1

2.3. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI
ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7
Năm học 2021 - 2022
Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Châu lục nào sau đây có tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số thấp nhất?

- A. Châu Âu. B. Châu Á. C. Châu Mỹ. D. Châu Phi.

Câu 2. Những khu vực nào sau đây ở trên thế giới dân cư phân bố thưa thớt?

- A. Các vùng đồng bằng ven biển. B. Các tuyến trục giao thông lớn.
C. Vùng ven biển, các con sông lớn. D. Vùng hoang mạc, miền núi, hải đảo.

Câu 3. Châu lục nào sau đây tập trung nhiều siêu đô thị nhất trên thế giới?

- A. Châu Âu. B. Châu Á. C. Châu Mỹ. D. Châu Phi.

Câu 4. Vị trí nằm giữa chí tuyến Bắc và Nam là

- A. đới nóng. B. đới cận nhiệt. C. đới ôn hòa. D. đới lạnh.

Câu 5. Môi trường nhiệt đới có cảnh quan đặc trưng nào sau đây?

- A. Rừng lá kim, rừng thưa. B. Rừng xích đạo ẩm.
C. Rừng thưa và xa van. D. Rừng hỗn giao, rừng xa van.

Câu 6. Rừng thưa và xa van là cảnh quan đặc trưng của môi trường nào sau đây?

- A. Môi trường nhiệt đới. B. Môi trường ôn đới.
C. Môi trường xích đạo ẩm. D. Môi trường nhiệt đới gió mùa.

Câu 7. Ở các cao nguyên, thường phổ biến

- A. các đồn điền mía. B. các đồn điền cao su, cà phê.
C. các đồn điền trồng cây dứa . D. các đồn điền trồng cây hằng năm.

	- Hậu quả: Gánh nặng cả vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm,... do có nhiều trẻ em và thanh niên.	0,5
	- Phương hướng giải quyết: Ngăn chặn sự bùng nổ dân số bằng các biện pháp: Kiểm soát sinh đẻ, phát triển giáo dục, cách mạng nông nghiệp và công nghiệp hóa,...	0,5
2	- Thuận lợi + Nhiệt độ trung bình năm cao trên 20°C và nắng quanh năm làm cho cây trồng, vật nuôi phát triển quanh năm.	0,5
	+ Nhiệt ẩm dồi dào tạo điều kiện cho sinh vật sinh trưởng thuận lợi, thực hiện được các biện pháp tăng vụ, gối vụ, xen canh, thâm canh.	0,5
	+ Sự phân mùa khí hậu làm cho sản phẩm nông nghiệp đa dạng.	0,5
	- Khó khăn + Nhiệt ẩm dồi dào nên có nhiều dịch bệnh phá hoại mùa màng và vật nuôi.	0,5
	+ Lượng mưa tập trung vào một mùa dẫn đến lũ lụt, một mùa ít mưa dẫn đến khô hạn, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.	0,5
	+ Lượng mưa lớn trong điều kiện rừng cây bị phá trụi ở miền núi làm đất đai bị xói mòn. Khô hạn trong mùa khô làm mở rộng hoang mạc hóa đất đai.	0,5

2.4. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 4

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Chọn đáp án đúng trong những câu sau:

1. Các chủng tộc chính trên thế giới:

A. Môn-gô-lô-it B. Ô-rô-pê-ô-it C. Nê-grô-it D. Cả 3 ý trên.

2. Đới nóng có vị trí:

- A. Từ chí tuyến đến vòng cực B. Từ vòng cực đến hai cực
- C. Giữa 2 đường chí tuyến D. Chỉ nằm ở 2 cực.

3. Việt Nam thuộc kiểu môi trường nào ở đới nóng:

- A. Môi trường nhiệt đới B. Môi trường nhiệt đới gió mùa
- C. Môi trường xích đạo ẩm D. Môi trường hoang mạc.

4. Dân số đới nóng tăng nhanh dẫn đến:

- A. Kinh tế chậm phát triển B. Đời sống nhân dân khó khăn
- C. Môi trường ô nhiễm D. Tất cả các ý đều đúng.

5. Thời tiết của đới ôn hòa diễn biến:

- A. Thất thường B. Ổn định C. Điều hòa D. Ít thay đổi.

6. Nền công nghiệp của đới ôn hòa có đặc điểm:

- A. Hiện đại B. Có cơ cấu đa dạng C. Trình độ cao D. Tất cả đều đúng

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

Cho biết đặc điểm vị trí của môi trường đới nóng? Kể tên các kiểu môi trường của đới nóng?

Câu 2. (2 điểm)

Dân cư đới nóng có đặc điểm gì?

Câu 3. (2 điểm)

Cho biết sự phát triển đô thị ở đới ôn hòa đã nảy sinh những vấn đề tiêu cực gì?

ĐÁP ÁN

I/ Trắc nghiệm: mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm (3 điểm)

Các ý đúng là: 1-D, 2- C, 3- B, 4- D, 5- A, 6- D

II/ Tự luận (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

- Vị trí của đới nóng:
 - Đới nóng nằm khoảng giữa hai chí tuyến, kéo dài liên tục từ Tây sang Đông tạo thành một vành đai bao quanh Trái đất.
- Các kiểu môi trường của đới nóng:
 - Môi trường xích đạo ẩm
 - Môi trường hoang mạc
 - Môi trường nhiệt đới
 - Môi trường nhiệt đới gió mùa.

Câu 2. (2 điểm)

Đặc điểm dân cư đới nóng

- Dân số đông, chiếm khoảng gần 50% dân số thế giới
- Dân số tập trung nhiều ở khu vực: Nam Á, Đông Nam Á, Đông Nam Bra-xin, Tây Phi.
- Gia tăng dân số nhanh dẫn tới bùng nổ dân số.
- Gia tăng dân số không phù hợp với phát triển kinh tế gây nhiều khó khăn.

Câu 3. (2 điểm)

Những vấn đề tiêu cực nảy sinh do phát triển đô thị ở đới ôn hòa

- Làm tăng khả năng ô nhiễm môi trường
- Gây ùn tắc giao thông
- Thất nghiệp, thiếu nhà ở và các công trình công cộng.

2.5. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 5

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7**D) TRẮC NGHIỆM**

Chọn câu đúng nhất 1,5 điểm

- Cho biết vị trí của môi trường xích đạo ẩm?
 - trải dài giữa hai chí tuyến
 - Nằm trong khoảng từ 5°B đến 5°N,
 - Khu vực Nam Á và Đông Nam Á
 - Nằm trong khoảng từ 5°B
- Đặc điểm của môi trường xích đạo ẩm?
 - Nắng nóng và mưa nhiều quanh năm
 - Nắng nóng quanh năm
 - Rất nóng và lượng mưa ít
 - Rất lạnh và lượng mưa ít
- Ở đô thị, mật độ dân số rất cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là
 - Nông nghiệp, lâm nghiệp
 - Nông nghiệp
 - Công nghiệp và dịch vụ
 - Ngư nghiệp

* Nối cột A & B 1,5 điểm

A	B
1. Bùng nổ dân số thế giới	a. nằm trong khoảng từ 5°B đến 5°N,
2. Dân cư trên thế giới sinh sống chủ yếu	b. là do dân số tăng nhanh và tăng đột biến ở nhiều nước châu Á, Phi, Mĩ Latinh
3. Môi trường xích đạo ẩm	c. khu vực: Đồng bằng, ven biển nơi có khí hậu gió mùa

II) TỰ LUẬN

- Nêu sự khác nhau về tổ chức sinh sống và hoạt động kinh tế giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn? (2 điểm)
- Môi trường nhiệt đới gió mùa thích hợp trồng những loại cây nào? (1 điểm)
- Nêu vị trí và đặc điểm khí hậu của môi trường nhiệt đới gió mùa? (3 điểm)
- Thiên nhiên nhiệt đới gió mùa thay đổi theo không gian nhưng tùy thuộc vào yếu tố nào? (1 điểm)

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: 3 điểm

CÂU 1: B CÂU 2: A CÂU 3: C

Nói cột: 1-b 2-c 3- a

II. Tự luận

Câu 1:

- Ở nông thôn, mật độ dân số thường thấp, hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. (1 điểm)
- Ở đô thị, mật độ dân số rất cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ. (1 điểm)

Câu 2:

- Khu vực nhiệt đới gió mùa thích hợp cho việc trồng cây lương thực đặc biệt là cây lúa nước (0.5 điểm)
- Cây công nghiệp như: cao su cà phê, tiêu, điều.. (0.5 điểm)

Câu 3:

Vị trí: Nam Á và Đông Nam Á là hai khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa. (0.5 điểm)

Khí hậu:

- Khí hậu: có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô (0.5 điểm)
 - (mùa mưa: nóng nhiều mưa nhiều; và mùa khô: lạnh và khô) (0.5 điểm)
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa có hai đặc điểm nổi bật (0.5 điểm)
- Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió và thời tiết diễn biến thất thường (1 điểm)

Câu 4:

Nhưng thiên nhiên còn tùy thuộc vào lượng mưa (0.5 điểm) nên có nhiều kiểu rừng khác nhau, từ rừng xích đạo ẩm, rừng nhiệt đới mưa mùa, rừng ngập mặn, đồng cỏ cao nhiệt đới. (0.5 điểm)

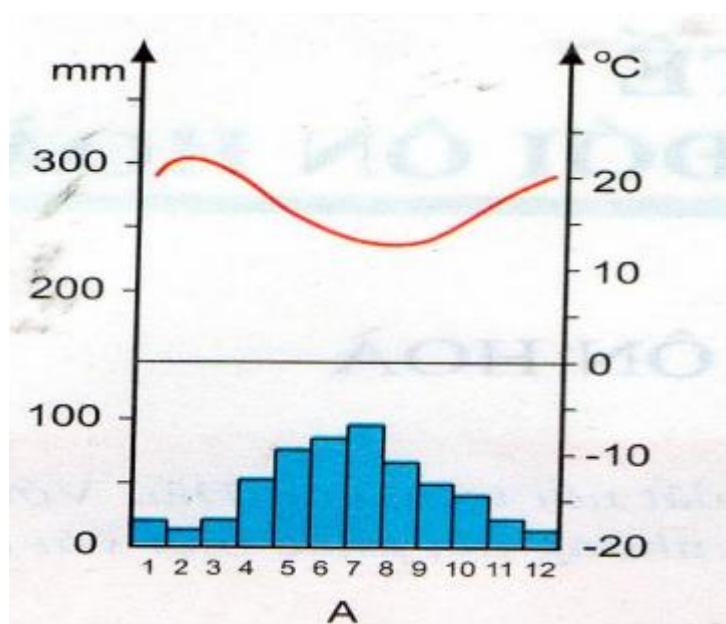
2.6. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 6

TRƯỜNG THCS NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7**Năm học 2021 - 2022****Môn: Địa lí 7**

Câu 1. (3,0 điểm) Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trình bày nguyên nhân, hậu quả, biện pháp khắc phục ô nhiễm nguồn không khí ở đới ôn hoà?

Câu 2. (3,0 điểm) Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của một môi trường địa lý như sau:



a) Phân tích và cho biết biểu đồ trên thuộc môi trường nào?

b) Từ môi trường địa lý vừa xác định em hãy nêu các vấn đề cần quan tâm ở môi trường đó?

Câu 3. (1,0 điểm) Tại sao lại nói: Đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất?

Câu 4. (3,0 điểm)

- Trình bày đặc điểm vị trí địa lý, hình dạng, kích thước, đường bờ biển và các dòng biển của châu Phi?
- Các đặc điểm trên có ảnh hưởng như thế nào đối với khí hậu châu Phi?

ĐÁP ÁN**Câu 1**

* Nguyên nhân:

- Do khí thải bụi từ: 1,0
 - Các trung tâm công nghiệp.
 - Các phương tiện giao thông.
 - Chất đốt sinh hoạt.
- Do bất cẩn khi sử dụng năng lượng hạt nhân. 0,5

* Hậu quả:

- Gây mưa A-xít làm chết cây cối và ăn mòn các công trình xây dựng. 0,25
- Gây bệnh hô hấp cho người và vật nuôi. 0,25
- Gây hiệu ứng nhà kính. 0,25
- Tạo lỗ thủng tầng ô zôn. 0,25

* Biện pháp: Kí Nghị định thư Ki-ô-tô nhằm cắt giảm lượng khí thải vào môi trường. 0,5

Câu 2

a) Phân tích nhiệt độ và lượng mưa của biểu đồ khí hậu:

* Nhiệt độ: 0,75

- Nhiệt độ cao nhất là tháng 2: 23°C
- Nhiệt độ thấp nhất vào tháng 7: 12°C
- Biên độ nhiệt: 11°C

* Lượng mưa: Mưa nhiều từ tháng 4 → tháng 9, mưa ít từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau. 0,75

=> Biểu đồ trên thuộc môi trường đới ôn hòa. 0,5

b) Vấn đề cần quan tâm ở môi trường đới ôn hòa là:

- Ô nhiễm môi trường. 0,5
- Đô thị hóa nhanh. 0,5

Câu 3. Đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất vì đặc điểm tự nhiên của đới lạnh có nhiều điểm giống với hoang mạc như:

- Rất khô hạn (lượng mưa dưới 500mm). 0,25
- Khắc nghiệt (biên độ nhiệt năm và ngày rất lớn). 0,25
- Có ít người sinh sống. 0,25
- Giới sinh vật nghèo nàn. 0,25

Câu 4

a) Đặc điểm vị trí, hình dạng, kích thước, đường bờ biển và các dòng biển của châu Phi.

* Vị trí địa lý: 1,0

- Trải dài từ 37⁰ Bắc -> 35⁰ Nam
- Có đường Xích Đạo đi qua chính giữa châu lục
- Giới hạn:
 - Phía Bắc giáp Địa Trung Hải
 - Phía Tây: Đại Tây Dương
 - Phía Đông: Giáp biển Đỏ ngăn cách Châu Á bởi kênh đào Xuy-ê
 - Phía Đông Nam: Ấn Độ Dương

* Diện tích và hình dạng: 0,5

- Diện tích: Hơn 30 triệu km² đứng thứ 3 trên Thế giới (sau Châu Á và Châu Mỹ)
- Hình dạng: Hình khối.

* Bờ biển và các dòng biển: 0,5

- Bờ biển ít bị cắt xẻ, ít đảo và vịnh biển => Ảnh hưởng của biển ít lấn sâu vào đất liền.
- Các dòng biển lạnh và nóng chạy sát bờ.

b) Các đặc điểm trên có ảnh hưởng lớn đối với khí hậu châu Phi là: Phần lớn lãnh thổ Châu Phi thuộc MT đới nóng, có khí hậu khắc nghiệt: Nóng và khô vào bậc nhất thế giới. 1,0

2.7. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 7

TRƯỜNG THCS XUÂN NGỌC

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7**Năm học 2021 - 2022****Môn: Địa lí 7****Câu 1: (2,5 điểm)**

a/ Trình bày và giải thích đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh?

b/ Động vật và thực vật ở đới lạnh thích nghi với môi trường như thế nào?

Câu 2 (3,0 điểm):

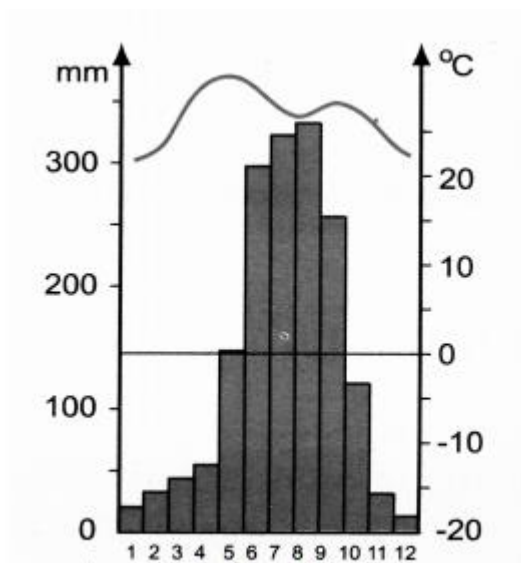
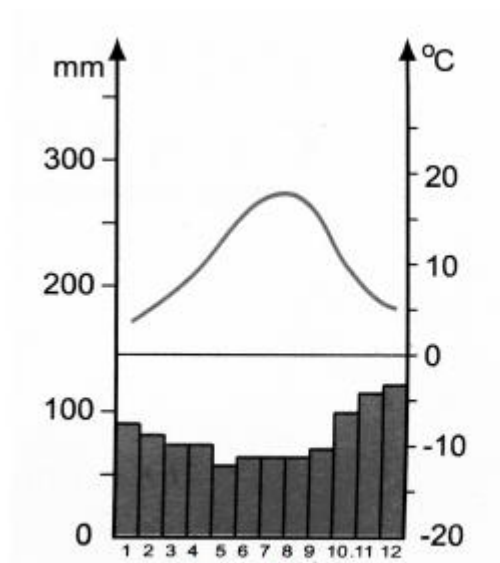
Trình bày nguyên nhân, hậu quả và biện pháp của ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa?

Câu 3 (2,5 điểm):

Giải thích tại sao khí hậu châu Phi rất nóng và khô, hình thành nên nhiều hoang mạc?

Câu 4 (2,0 điểm):

Dựa vào biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của vị trí A và B như sau:

**Biểu đồ A****Biểu đồ B**

(Lượng mưa được biểu thị bằng cột, nhiệt độ biểu thị bằng đường)

a) Cho biết biểu đồ A và B thuộc đới khí hậu nào, tại sao?

b) Biểu đồ A thuộc kiểu khí hậu nào, nêu đặc điểm của kiểu khí hậu đó?

ĐÁP ÁN

Câu 1:

a/ Đặc điểm khí hậu, nguyên nhân:

- Đặc điểm: khí hậu khắc nghiệt, lạnh lẽo, mùa đông rất dài, mưa ít và chủ yếu dưới dạng tuyết rơi. (0,5đ)
- Nguyên nhân: Nằm ở vĩ độ cao.có góc chiếu sáng MT nhỏ (0,5đ)

b/ Sự thích nghi của động vật, thực vật:

- Động vật: có lớp mỡ dày, lông dày hoặc lông không thấm nước; một số động vật ngủ đông hay di cư để tránh mùa đông lạnh. (0,75đ)
- Thực vật: chỉ phát triển vào mùa hạ ngắn ngủi, cây cối thấp lùn, mọc xen lẫn với rêu, địa y. (0,75đ)

Câu 2:

Nguyên nhân: (1,0đ)

- Khí thải từ hoạt động công nghiệp.
- Khí thải từ phương tiện giao thông.
- Khí thải trong sinh hoạt của con người. cháy rừng, vụ thử hạt nhân.....

Hậu quả: (1,0đ)

- Tạo nên những trận mưa axit => dẫn đến chết cây cối, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
- Tăng hiệu ứng nhà kính => dẫn đến khí hậu toàn cầu biến đổi.
- Thủng tầng ô zôn => dẫn đến hủy hoại cuộc sống con người và sinh vật...

Biện pháp:(1,0đ)

- Cắt giảm lượng khí thải vào khí quyển, thực hiện nghị định thư KiôTô
- Dùng năng lượng sạch (Gió, mặt trời, địa nhiệt..nhiên liệu sinh học.)
- Trồng và bảo vệ rừng

Câu 3:

- Vị trí: Phần lớn lãnh thổ châu Phi thuộc đới nóng. (0,5đ)

- Có 2 đường chí tuyến đi qua, chịu sự thống trị của khối khí áp cao cận chí tuyến. Nên thời tiết ổn định khô ráo quanh năm. (0,5đ)
- Hình dạng, diện tích: Diện tích châu Phi lớn có dạng hình khối, đường bờ biển ít bị cắt xẻ, ít vịnh biển. (0,5đ)
- Địa hình: Là một cao nguyên cao xen kẽ các bồn địa ngăn ảnh hưởng của biển vào sâu trong nội địa. (0,5đ)
- Dòng biển, biển: Phía Tây và Đông Bắc Phi đều chịu ảnh hưởng của các dòng biển lạnh, Bắc và Đông Bắc giáp biển kín ĐTH. (0,5đ)

Câu 4:

a) Xác định biểu đồ thuộc đới khí hậu:

Biểu đồ A thuộc đới nóng. (0,25đ)

Vì: Nhiệt độ các tháng trong năm đều cao hơn 20°C . (hoặc nhiệt độ trung bình năm cao hơn 20°C) (0,25đ)

Biểu đồ B thuộc đới khí hậu ôn hòa. (0,25đ)

Vì: Nhiệt độ cao nhất không quá 20°C , thấp nhất lớn hơn 0°C . (0,25đ)

b) Xác định kiểu khí hậu, đặc điểm:

- Biểu đồ A thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa. (0,5đ)
- Đặc điểm: Mùa đông (T11 đến T4) có gió Đông Bắc với thời tiết lạnh và khô, Mùa hạ (T5 đến T10) có gió TN và ĐN gây nóng ẩm, mưa nhiều (0,5đ)

2.8. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 8

TRƯỜNG THCS NGUYỄN NGHIÊM

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Gia tăng dân số tự nhiên phụ thuộc vào

A. sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm.

- B. sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người từ nơi khác đến trong một năm.
- C. sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chuyển đi trong một năm.
- D. sự tương quan giữa số người chuyển đi và số người từ nơi khác đến trong một năm.

Câu 2. Các siêu đô thị tăng nhanh nhất ở nhóm các nước

- A. phát triển.
- B. xuất khẩu dầu mỏ.
- C. đang phát triển.
- D. kém phát triển.

Câu 3. Gió Tín phong là gió thổi thường xuyên ở

- A. đới nóng.
- B. đới cận nhiệt.
- C. đới ôn hòa.
- D. đới lạnh.

Câu 4. Nguyên nhân khí hậu miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh là do

- A. nước ta nằm ở vĩ độ cao trong đới khí hậu ôn hòa.
- B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc có tính chất lạnh, khô.
- C. do ảnh hưởng của dòng biển lạnh và dòng biển nóng.
- D. địa hình núi cao nên khí hậu có sự phân hóa theo đai cao.

Câu 5. Vấn đề cần quan tâm hàng đầu về tài nguyên nước ở đới nóng hiện nay là

- A. xâm nhập mặn.
- B. tràn dầu trên biển.
- C. hạn hán kéo dài.
- D. thiếu nước sạch.

Câu 6. Tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội là hình thức di dân

- A. tự do.
- B. phong trào.
- C. có kế hoạch.
- D. tránh thiên tai.

Câu 7. Ở các quốc gia đới ôn hòa nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu trong sản xuất công nghiệp từ

- A. nguồn nguyên, nhiên liệu có sẵn.
- B. nhập khẩu của các nước đới nóng.
- C. nhập khẩu của các nước đới lạnh.
- D. xâm chiếm của các nước thuộc địa.

Câu 8. Đặc trưng về hình thái bên ngoài của các đô thị ở đới ôn hòa là

- A. nhà ống, nhà cao tầng nằm san sát với nhau.
- B. những ngôi nhà mái ngói, phân bố thưa thớt.
- C. những tòa nhà chọc trời, hệ thống đường sá hiện đại.
- D. những tòa lâu đài, nhà thờ với kiến trúc cổ xưa.

Câu 9. Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong các ốc đảo là hoạt động sản xuất ở môi trường

- A. hoang mạc. B. nhiệt đới. C. cận nhiệt đới. D. đới ôn hòa.

Câu 10. Ở đới lạnh có các nguồn tài nguyên nào sau đây?

- A. Hải sản, thú có lông quý, khoáng sản. B. Hải sản, các loài bò sát, côn trùng.
C. Thú có lông quý, các loài thủy sản. D. Băng tuyết, các loài chim, thủy sản.

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (3 điểm). Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới. Giải thích tại sao đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng?

Câu 2 (2 điểm). Em hãy phân tích hậu quả của đô thị hóa quá nhanh. Lấy ví dụ cụ thể để chứng minh?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu tương đương với 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	B	D	C	B	C	B	A

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	- Nóng quanh năm (trên 20 ⁰ C) và có hai thời kì nhiệt độ tăng cao trong năm khi Mặt Trời đi qua đỉnh đầu.	1
	- Có một thời kì khô hạn; càng gần chí tuyến càng kéo dài từ 3 - 9 tháng (hoặc mưa tập trung vào một mùa); càng gần chí tuyến mùa mưa càng ngắn dần và lượng mưa từ 500 - 1.500mm.	1
	- Giải thích: Đất ở vùng nhiệt đới có màu đỏ vàng do quá trình tích tụ ôxit sắt, nhôm lên trên mặt đất vào các mùa khô. Đất feralit là đất đặc trưng của đới nóng.	1

2	- Ô nhiễm nguồn nước như: các sông ngòi, ao hồ bị ô nhiễm nặng nề; rất nhiều nơi thiếu nguồn nước sạch trầm trọng,...	1
	- Ô nhiễm không khí như: Các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp xả khí bụi gây ô nhiễm môi trường không khí; số ca bệnh về lao, phổi gia tăng một cách đáng kể,...	0,5
	- Làm biến đổi môi trường theo chiều hướng xấu như: hiện tượng Trái Đất nóng lên, mưa axit, băng hai cực tan ra,...	0,5

2.9. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 9

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM:

Hãy khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất?

Câu 1. Đới nóng nằm trong khoảng

- A. xích đạo đến chí tuyến bắc
- B. xích đạo đến chí tuyến nam
- C. chí tuyến bắc đến chí tuyến nam
- D. chí tuyến bắc đến vòng cực bắc

Câu 2. Đới nóng có mấy kiểu môi trường chính?

- A. Hai môi trường
- B. Bốn môi trường
- C. Ba môi trường
- D. Năm môi trường

Câu 3. Môi trường nhiệt đới không có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Nằm từ 50 đến chí tuyến cả hai bán cầu

- B. Nhiệt độ trung bình trên 200
- C. Lượng mưa trung bình từ 500 mm – 1500 mm
- D. Thực vật xanh quanh năm phát triển

Câu 4. Việt Nam nằm trong môi trường

- A. xích đạo ẩm.
- B. nhiệt đới gió mùa
- C. nhiệt đới.
- D. hoang mạc

Câu 5. Khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa là

- A. Bắc Á – Đông Á
- B. Đông Nam Á – Nam Á
- C. Tây Nam Á – Nam Á
- D. Đông Á – Đông Nam Á

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây không đúng với môi trường xích đạo ẩm?

- A. Càng gần xích đạo mưa càng nhiều.
- B. Mưa chủ yếu do tuyết tan.
- C. Mưa quanh năm.
- D. Lượng mưa từ 1500 mm đến 2500 mm.

Câu 7. Khí hậu nhiệt đới gió mùa rất thích hợp cho việc trồng cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới như:

- A. lúa mì, cây cọ
- B. cao lương
- C. lúa nước, cây cao su
- D. lúa mạch, cây chà là

Câu 8. Cảnh quan môi trường nhiệt đới thay đổi về chí tuyến theo thứ tự

- A. Rừng thưa, xavan, nửa hoang mạc
- B. Nửa hoang mạc, rừng thưa, xavan
- C. Xavan, nửa hoang mạc, rừng thưa
- D. Rừng thưa, nửa hoang mạc, xavan

Câu 9. Khí hậu nhiệt đới gió mùa là loại khí hậu đặc trưng của khu vực

- A. Tây Á và Tây Nam Á
- B. Bắc Á và Đông Bắc Á
- C. Nam Á và Đông Nam Á
- D. Bắc Á và Đông Nam Á

Câu 10. Màu đỏ vàng của đất ở vùng nhiệt đới là do màu của

- A. ôxít sắt, nhôm tích tụ.
- B. ôxít silic, nhôm tập trung.
- C. lượng nước ngấm sâu vào trong đất.
- D. có nhiều chất khoáng.

Câu 11. Đặc điểm khí hậu môi trường nhiệt đới khác biệt so với môi trường xích đạo ẩm là

- A. mưa quanh năm.
- B. Mưa tập trung vào một mùa.
- C. có thời kì khô hạn kéo dài.
- D. lượng mưa tương đối ít, tập trung vào mùa hạ.

Câu 12. Dựa vào đặc điểm khí hậu các môi trường đã học, nêu nét đặc trưng của môi trường đới nóng?

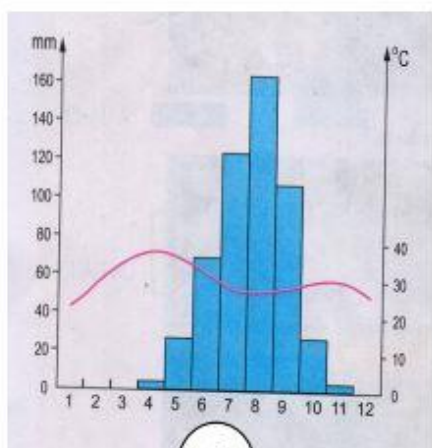
- A. Mưa nhiều quanh năm
- B. Nhiệt độ cao.
- C. Nóng quanh năm, mưa nhiều hoặc mưa theo mùa.
- D. nhiệt độ thấp, mưa nhiều, mát mẽ.

II. TỰ LUẬN (7đ)

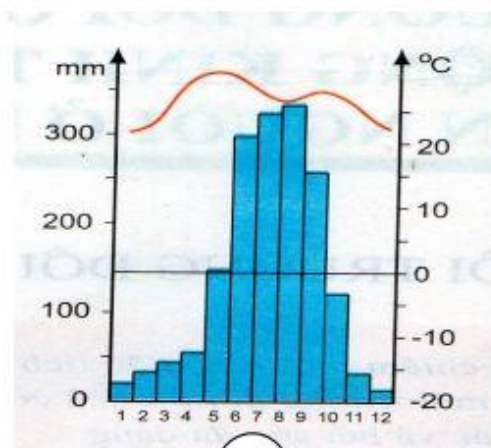
Câu 1/ So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị? (3 đ)

Câu 2/ Bùng nổ dân số ở đới nóng gây ra hậu quả gì? Hướng giải quyết? (2 đ)

Câu 3/ Xác định các biểu đồ sau thuộc kiểu môi trường nào? Sản xuất nông nghiệp trong môi trường này cần chú ý vấn đề gì? (2 đ)



A



B

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu đúng 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	C	B	B	C	A	C	A	C	C

II/TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (3đ)	So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị?	1đ
	Nhà ở	1đ
	Mật độ dân	1đ
	Kinh tế	1đ

<p>2 (2đ)</p>	<p>Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gây nghèo đói, thiếu nhà ở, việc làm, ăn mặc, ở, học hành... - Tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm <p>*Biện pháp giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kế hoạch hoá gia đình - Tăng cường phát triển kinh tế nâng cao cuộc sống cho người dân 	<p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>
<p>3 (2đ)</p>	<p>A. Nhiệt đới</p> <p>B. Nhiệt đới gió mùa</p> <p>Sản xuất nông nghiệp trong môi trường này cần chú ý (mỗi ý đúng 0.25 đ nhưng không vượt quá 1 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng trừ sâu bệnh - Làm thủy lợi - Cần bố trí mùa vụ và lựa chọn giống cây trồng phù hợp - Phủ xanh đất trống, đồi trọc... 	<p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>

2.10. Đề thi giữa HK1 Địa lí 7 số 10

TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH

ĐỀ THI GIỮA HK1 ĐỊA LÍ 7

Năm học 2021 - 2022

Môn: Địa lí 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3 Đ)

Câu 1. Tháp tuổi cho chúng ta biết

- A. trình độ văn hóa của dân số
- B. nghề nghiệp đang làm của dân số
- C. sự gia tăng cơ giới của dân số

D. thành phần nam nữ của dân số

Câu 2. Những nơi nào sau đây trên Trái Đất thường có mật độ dân số thấp

A. miền núi, vùng cực, hoang mạc và bán hoang mạc

B. có giao thông phát triển

C. các đồng bằng, đô thị

D. các vùng đi lại khó khăn

Câu 3. Dân cư thế giới được chia làm mấy chủng tộc chính?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 4. Môi trường xích đạo ẩm phân bố chủ yếu trong giới hạn của các vĩ tuyến:

A. từ 5°B đến 5°N

B. từ $23^{\circ}27'\text{N}$ đến $66^{\circ}33'\text{N}$

C. từ $23^{\circ}27'\text{B}$ đến $66^{\circ}33'\text{B}$

D. từ $23^{\circ}27'\text{B}$ đến $66^{\circ}33'\text{N}$

Câu 5. Một trong những hậu quả của đô thị hóa tự phát là

A. công nghiệp phát triển mạnh

B. dịch vụ phát triển nhanh

C. thất nghiệp ở các thành phố nhiều

D. phổ biến lối sống đô thị về nông thôn

Câu 6. Tại sao rừng rậm xanh quanh năm ở môi trường xích đạo ẩm lại có nhiều tầng?

A. Khí hậu nóng quanh năm

B. Mưa quanh năm

C. Khí hậu lạnh quanh năm

D. Khí hậu nóng và ẩm quanh năm

Câu 7. Việt Nam nằm ở môi trường tự nhiên nào của đới nóng

A. Môi trường xích đạo ẩm

B. Môi trường nhiệt đới

C. Môi trường nhiệt đới gió mùa

D. Môi trường hoang mạc

Câu 8. Hướng gió chính vào mùa đông ở môi trường nhiệt đới gió mùa là:

A. Đông Bắc.

B. Đông Nam.

C. Tây Nam.

D. Tây Bắc.

Câu 9. Hướng gió chính vào mùa hạ ở môi trường nhiệt đới gió mùa là:

A. Đông Bắc.

B. Đông Nam.

C. Tây Nam.

D. Tây Bắc.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây không đúng với môi trường nhiệt đới?

A. Càng xa xích đạo, thực vật càng thưa

B. Càng xa xích đạo, lượng mưa càng tăng.

C. Càng gần chí tuyến, biên độ nhiệt càng lớn.

D. Trong năm hai lần nhiệt độ tăng cao vào lúc MT đi qua thiên đỉnh.

Câu 11. Thảm thực vật tiêu biểu ở môi trường xích đạo

A. rừng rậm xanh quanh năm.

B. xavan và cây bụi.

C. rừng lá kim.

D. đài nguyên.

Câu 12. Đặc điểm nào nổi bật của khí hậu nhiệt đới gió mùa?

A. Nóng, ẩm quanh năm.

B. Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa.

C. Thời tiết diễn biến thất thường.

D. Nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa, thời tiết diễn biến thất thường.

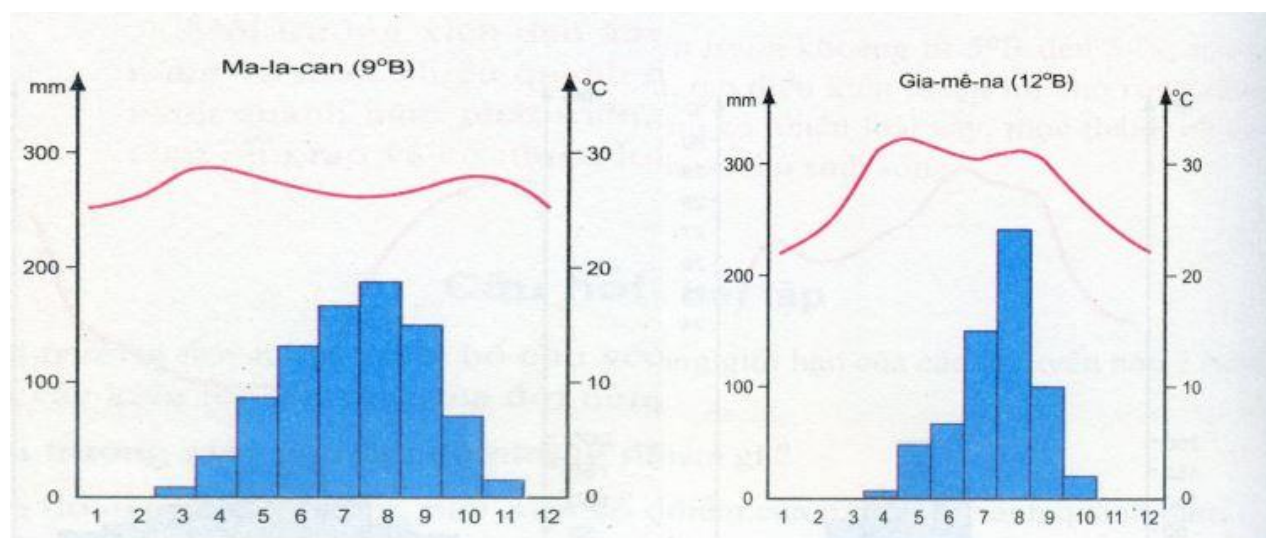
II. TỰ LUẬN.(7Đ)

Câu 1. Hãy nêu đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm? (2đ)

Câu 2. Kể tên các loại cây lương thực, cây công nghiệp chủ yếu của đới nóng (1đ)

Câu 3. So sánh sự khác nhau cơ bản giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị. (2đ)

Câu 4. Quan sát hai biểu đồ, nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới ? (2đ)



Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Malacca (Xu-đăng)

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Gia-mê-na (Sat)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm).

Trả lời đúng mỗi câu được 0.25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	A	B	A	C	D	C	A	C	B	A	D

II. Tự luận (7,0 điểm).

Câu	Đáp án	Biểu điểm
1	<p>Đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu nóng ẩm quanh năm, nhiệt độ trung bình năm 25-28⁰C; - Chênh lệch nhiệt độ rất nhỏ (khoảng 3⁰C) nhưng chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm trên 10⁰C; - Lượng mưa trung bình năm: 1500-2500mm; - Độ ẩm trung bình trên 80%. 	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> + Cây lương thực: Lúa nước, khoai lang, sắn, cao lương... + Cây công nghiệp: cà phê, cao su, dừa, bông, mía... 	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> - Quần cư nông thôn: có mật độ dân số thấp; làng mạc, thôn xóm thường phân tán gắn với đất canh tác, đồng cỏ, đất rừng, hay mặt nước; dân cư sống chủ yếu dựa vào xuất nông, lâm, ngư nghiệp. - Quần cư thành thị: có mật độ dân số cao, dân cư sống chủ yếu dựa vào sản xuất công nghiệp và dịch vụ. 	<p>0,75 điểm</p> <p>0,75 điểm</p>
4	<ul style="list-style-type: none"> - Lối sống nông thôn và lối sống đô thị có nhiều điểm khác biệt <p>Quan sát 2 biểu đồ, nhận xét về sự phân bố nhiệt độ và lượng mưa trong năm của khí hậu nhiệt đới:</p> <p>Trả lời:</p>	<p>(0,5đ)</p> <p>1,0 điểm</p> <p>1,0 điểm</p>

Địa điểm	Nhiệt độ		Lượng mưa		
	Nhiệt độ TB	Biên độ nhiệt	Số tháng có mưa	Số tháng không mưa	Lượng mưa TB
Ma-la-can 9⁰B	25 ⁰ C	25-28 ⁰ C	9 tháng	3 tháng (tháng 1,2,12)	841mm
Gia-mê-na 12⁰B	22 ⁰ C	22-34 ⁰ C	7 tháng	5 tháng (tháng 1,2,3,11,12)	647mm